

CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA CHÚNG SANG HIỆN ĐẠI

ĐỖ HUY*

Nền văn hoá truyền thống của người Việt Nam trên những mặt căn bản, đức trị như pháp trị. Nhìn vào lịch sử hàng nghìn năm của người Việt, nhiều nhà văn hoá học đã nói đến *một hằng số văn hoá* được bản sắc hoá trên tập hợp các yếu tố:

- Địa văn hoá nhiệt đới, gió mùa bán đảo.
- Cư dân sống thành làng xã làm ruộng, làm vườn.
- Có thiết chế gia đình huyết tộc như nhiều cư dân Nam Á khác.

Địa chính trị của người Việt ở sát nước Trung Hoa láng giềng to lớn, mặt nhìn ra biển Đông và lưng tựa dãy Trường Sơn hùng vĩ. Con đường giao tiếp văn hoá của người Việt rộng mở thênh thang tới tất cả các học thuyết Nho, Phật, Lão ở phương Đông, cũng như nhiều nền văn hoá khác ở phương Tây tràn tới.

Chủ nghĩa thích ứng là một năng lượng văn hoá mà người Việt tích lũy được trong quá trình sống và giao tiếp với nhiều nền văn hoá khác trong khu vực và trên thế giới. Trên nền tảng chủ nghĩa nhân văn của người Việt, nền văn hoá truyền thống Việt Nam đã trải qua những quá trình đan xen văn hoá, chấp nhận văn hoá, cách tân, khuyếch tán và tăng trưởng văn hoá, mở rộng cơ chế nội sinh, gìn giữ cái bất biến tương đối, tạo nên sự luân chuyển không ngừng.

* Giáo sư, Viện Triết học, Việt Nam.

Người Việt có một *chủ nghĩa nhân văn* rõ rệt ở đó hoà quyện ba yếu tố cơ bản:

a. Chủ nghĩa yêu nước đậm đà tinh thần cộng đồng.

b. Tinh thần vị tha cao thượng.

c. Ý chí tự lập, tự cường mạnh mẽ.

Người Việt thường “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “xả thân thành nhân”, yêu nước trước rồi đến yêu nhà sau, thương người trước, thương mình sau. Trong lối sống, người Việt khoan dung cho mọi “kẻ chạy lại” và gìn giữ sự hoà hiếu.

Người Việt sống nghiêm về thực tiễn, thiết thực, tiết kiệm, ham học và nặng tình, nặng nghĩa. Trong lương thức mỗi con người, một niềm xác tín gắn chặt với sự quan sát kinh nghiệm truyền thống, với phong tục, với tập quán từ đời này truyền cho đời khác thông qua các giao tiếp và những điều răn dạy tự nhiên của văn hoá gia đình.

Biết ơn những người đã có công truyền nghề, giáo dục, giáo dưỡng và các anh hùng, liệt sĩ, *văn hoá tâm linh* Việt Nam gắn liền với các ngày lễ trang nghiêm trên bàn thờ trong gia đình, nhà thờ tổ, thờ họ, thờ thành hoàng và với những hội làng, hội nước sôi động huy hoàng, tráng lệ trên tất cả các vùng của đất nước.

Trong lòng sâu của mỗi tâm hồn con người Việt Nam, Người Mẹ là *biểu tượng văn hoá* thường trực, lung linh và đậm đà nhất. Nhân cách mỗi người Việt Nam lớn lên từ tiếng hát ru của mẹ âm vang trong lũy tre làng, thềm thang trên những cánh đồng đầy ắp nắng gió và mênh mang trong những đêm trăng sáng. Hình tượng người mẹ trong tâm thức Việt Nam thiêng liêng và thành kính. Các nhà văn hoá học đã phát hiện một nguyên lý mẹ, nguyên lý âm trong cấu trúc văn hoá Việt Nam từ sản xuất, chiến đấu, lưu giữ, truyền đạt đến tiêu dùng. Trong lao động, người phụ nữ Việt Nam đã “chồng cày, vợ cấy” vất vả trên đồng cạn, dưới đồng sâu, cửi canh khuya sớm khắp thôn cùng ngõ vắng. Phụ nữ Việt Nam là mẹ sinh thành và kiến trúc sư của thiết chế gia đình. Trong chính trị, đã từng có phụ nữ chấp chính khi vua đi xa hoặc vua còn nhỏ tuổi. Trong chiến trận có thời phụ nữ cầm quân đuổi giặc và giặc đến nhà dù là đàn bà cũng quyết đánh. Phụ nữ đã gửi chồng và quân lương ra trận. Phụ nữ đã đảm đương dậy dỗ con cái và gìn giữ gia phong thờ cúng tổ tiên khi người đàn ông đi trận... *Tục thờ mẫu* trở thành phổ biến trong lòng sâu của mọi miền văn hoá Việt Nam.

Nền văn hoá truyền thống của người Việt đầy ắp những trò chơi dân dã và phong phú các sáng tạo dân gian. Thơ ca, hò vè tiểu lâm, tích chèo, vở tuồng, múa hát cung đình cùng việc xây cất đình chùa, am miếu đã tạo cho người Việt một sinh hoạt tinh thần phong phú.

Cùng với nền nghệ thuật dân gian, một nền nghệ thuật bác học với những chiếu, phú, cáo, hịch, các bài ca chiến trận và những vần thơ ngâm vịnh ngợi ca đất nước ngàn năm, hoà cùng với hùng thiêng sông núi trên sóng Bạch Đằng, trước gió Chi Lăng bên đỉnh Phù Vân, giữa lòng Côn Sơn đã tạo ra đỉnh cao văn hoá chất lượng truyền thống có bản sắc, hình thành một tồn tại tự nó không lẫn lộn. Dù là nghệ thuật cung đình, hay nghệ thuật ngâm vịnh, thơ ca nhàn tản... nó vẫn ẩn dấu bên trong sự kỳ thác một triết lý sống thanh cao và một tâm hồn nhân hậu.

Trong nền văn hoá truyền thống hàng ngàn năm của người Việt thì công nghiệp, thương nghiệp, luật pháp không phải là các biện pháp chủ yếu nâng cao năng suất và gìn giữ trật tự xã hội. Người Việt đi học thường hướng đến sự giúp nước, làm quan. Khi không làm quan nữa thì làm thầy. Thầy đồ dạy chữ, thầy thuốc chữa bệnh, thầy địa lý trấn an tâm linh là những công việc phổ biến của các “hậu quan”.

Văn hoá truyền thống của người Việt vận động theo chủ nghĩa yêu nước có những sự khuyếch tán khi giao tiếp với nền văn hoá Hán và mở rộng cương vực về phía Nam.

Tinh thần tiết kiệm và tu thân của hai dòng Nho giáo và Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống của những người nông dân Việt Nam. Sự chuyển đổi các giá trị trong văn hoá không mấy đột biến. Nguồn gốc của sự thay đổi văn hoá chậm chạp do bối cảnh sinh thái, dân cư tương đối ổn định và phương thức canh tác làm ruộng, làm vườn cùng với hệ tư tưởng tạo ra các thước đo tương đối bất biến trong một thời kỳ dài.

Vào giữa thế kỷ XIX, văn hoá Việt Nam bắt đầu chuyển động nhanh hơn do tiếp xúc với văn hoá phương Tây. Sự “xâm kích” của nền văn hoá phương Tây giữa thế kỷ XIX với các phát minh, sáng chế công nghiệp và cả sự áp đặt và cai trị, đánh thức văn hoá, văn hoá Việt Nam đã chuyển động mạnh trong cơ cấu. Nhiều sự đan xen, khuyếch tán, truyền bá, chấp nhận, cách tân lối sống đã mở rộng cơ chế nội sinh của nền văn hoá truyền thống Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX.

Văn hoá Nho giáo tự đổi mới bằng những phong trào canh tân đã không thành công. Các vấn đề dân tộc cơ bản được đặt ra ở đầu thế kỷ XX trong văn hoá Việt Nam, giai cấp phong kiến không đáp ứng được. Nền giáo dục có sự thay đổi mạnh. Từ năm 1915 đến 1919 chữ Hán đã không còn được dùng làm văn tự trong toàn hệ thống giáo dục. Chữ Pháp, chữ Quốc ngữ được thay thế và những khuynh hướng yêu nước kiểu mới, những nhân cách văn hoá khác với các nhà nho đã xuất hiện.

Giai cấp tư sản Việt Nam và sự chuyển tải các tri thức từ nền văn minh khai sáng phương Tây vào Việt Nam đã làm cho diện mạo văn hoá lối sống, văn hoá

nghệ thuật, đặc biệt là thơ ca, hội hoạ có những thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, các thay đổi văn hoá này chỉ mới diễn ra ở một số thành phố lớn, còn toàn bộ các vùng nông thôn, hải đảo, dân tộc ít người... những phong tục cổ truyền, các tập quán văn hoá ngàn xưa vẫn ít thay đổi.

Cùng với ba phong trào lớn của thế kỷ XX là phong trào độc lập dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa, trong văn hoá Việt Nam đã xuất hiện một chủ nghĩa yêu nước khác với tinh thần yêu nước của các nho sĩ trước kia, khác cả với tinh thần yêu nước của những nhà trí thức tư sản và tiểu tư sản lớp trên, đó là *chủ nghĩa yêu nước quốc tế vô sản*. Chủ nghĩa yêu nước theo tinh thần quốc tế vô sản tạo ra nhân sinh quan, thế giới quan mới, liên kết văn hoá của những người lao động cùng một mục tiêu chống áp bức bóc lột, giải phóng nhân cách con người. Chủ nghĩa yêu nước này đã tạo ra một chất men mạnh làm sinh sôi nảy nở những giá trị văn hoá rất mới ở Việt Nam những năm 20 đầu thế kỷ XX.

Cùng với chủ nghĩa yêu nước theo tinh thần Quốc tế vô sản, những người cộng sản, người lao động, những người có lý tưởng cộng sản đã hướng sang phương Tây, vượt qua các học thuyết của các nhà khai sáng, đến với *chủ nghĩa Mác đặc biệt là các học thuyết của Lenin* tiếp thu chúng theo những giá trị văn hoá người Việt, truyền bá và phổ cập từ nhóm dân chúng này đến nhóm khác ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam. Việc đưa chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam qua sự tiếp thu của những người cộng sản Việt Nam đã tạo nên một sự thay thế mới, sự đan xen mới về mặt ý thức hệ trong văn hoá. Chủ nghĩa Mác-Lênin do những người cộng sản Việt Nam truyền bá đã tạo ra một lực quy tâm mới thúc đẩy mạnh mẽ hơn chủ nghĩa yêu nước trong văn hoá Việt Nam.

Yếu tố thứ ba tạo ra một sự chuyển biến lớn trong văn hoá Việt Nam là sự hình thành *nhân cách người cách mạng*. Nhân cách người cách mạng đã mở rộng, đổi mới nhân cách “xả thân thành nhân” trong nền văn hoá Việt Nam truyền thống. Người cách mạng gắn với lý tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng hy sinh cho quyền lợi rộng lớn của dân tộc, giai cấp và thời đại. Đây là những nhân cách khác hẳn với các nhân cách kẻ sĩ, trượng phu, quân tử hay người trí thức của giai cấp tư sản.

Việc hình thành nhân cách người cách mạng đã làm thay đổi dần các thước đo giá trị trong nền văn hoá Việt Nam, cuốn hút một chủ nghĩa anh hùng Việt Nam kiểu mới khác hẳn với chủ nghĩa anh hùng phong kiến, chủ nghĩa anh hùng cá nhân tư sản. Sự chấp nhận hy sinh, lao tù vì đại nghĩa dân tộc đã làm cho nền văn hoá Việt Nam bước vào một quá trình giải phóng rất sâu rộng.

Yếu tố thứ tư có tính cách mạng triệt để nhất trong nền văn hoá Việt Nam chuyển từ truyền thống sang hiện đại, đó là sự *thành lập Đảng Cộng sản*. Sự thành lập tổ chức cộng sản trong văn hoá Việt Nam là bộ não, là hệ thần kinh

nhậy cảm của cả nền văn hoá mới. Tính tất yếu xuất hiện Đảng Cộng sản và sự cần thiết có Đảng để xây dựng một nền văn hoá kiểu mới là hệ quả quan trọng trong một quá trình chuyển biến tích cực của văn hoá Việt Nam từ truyền thống sang hướng hiện đại.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nền văn hoá mới Việt Nam có sự tiếp biến hệ tư tưởng Mác-Lênin, sự phát triển chủ nghĩa yêu nước kiểu mới, sự mở rộng nhân cách người cách mạng theo với bước đi phù hợp, tích cực của ba phong trào lớn của thế kỷ XX trong thực tiễn ở Việt Nam. Trong những giờ phút quyết định nhất của cả dân tộc, chính sách của Đảng Cộng sản đã tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân. Nhiều người trong giai cấp phong kiến, tư sản đã đứng trong hàng ngũ vô sản bảo vệ độc lập dân tộc và văn hoá dân tộc.

Các mô thức phát triển nền văn hoá Việt Nam, từ truyền thống sang hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt 70 năm qua theo những định hướng gắn văn hoá với chính trị kinh tế và *văn hoá nằm ở trong chính trị và kinh tế*.

Mô thức văn hoá I, gắn với phong trào độc lập dân tộc, dân chủ Quốc tế và sự thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Mô thức này theo ba nguyên tắc cơ bản: Dân tộc hoá, Đại chúng hoá, Khoa học hoá. Nền văn hoá Việt Nam theo mô thức này được hiện đại hoá trên nền tảng gìn giữ bản sắc dân tộc. Khuynh hướng hiện đại hoá theo mô thức này khác với chủ nghĩa dân tộc phong kiến và chủ nghĩa dân tộc tư sản. Nền văn hoá Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng mác-xít giữ vững yếu tố truyền thống mạnh mẽ, chống lại mọi sự nô dịch thực dân và phản động phong kiến, tôn trọng mọi giá trị của dân tộc khác, hấp thụ tinh hoa văn hoá của nhân loại. Mô thức này đặt nền tảng cho quá trình hiện đại hoá trong thực tiễn cách mạng ruộng đất và cách mạng chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam.

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước gắn với phong trào xã hội chủ nghĩa lan rộng trên thế giới đã làm chuyển biến sâu sắc nền văn hoá Việt Nam. Các biến đổi về hệ tư tưởng, về công nghiệp, về năng suất trên phạm vi thế giới đã thúc đẩy quá trình hiện đại hoá nền văn hoá Việt Nam hơn nữa dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mác-xít. Sau khi cách mạng dân tộc dân chủ thắng lợi, nền văn hoá Việt Nam bước vào một giai đoạn mới. *Mô thức xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức* đã đưa quá trình hiện đại hoá văn hoá Việt Nam lên một tầm cao mới. Nền giáo dục được đổi mới mạnh mẽ. Từ lòng sâu của xã hội, những người nông dân mới, công nhân mới, trí thức mới và các thế hệ mới xuất hiện. Các quan hệ quốc tế xã hội chủ nghĩa của nền văn hoá được gia tăng trên mọi lãnh vực đào tạo nhân tài, giao tiếp văn hoá văn nghệ. Cuộc cách mạng công nghiệp theo quy mô công nghiệp nặng ra đời. Nguyên lý tập trung bao cấp xuất hiện.

Công cuộc hiện đại hoá văn hoá theo mô thức văn hoá II - Xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức đã tạo dựng một cấu trúc văn hoá mới hướng về sự thay đổi triệt để cả cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng của xã hội cũ với mục tiêu xây dựng *xã hội văn hoá cao của chủ nghĩa xã hội*. Mô thức văn hoá này hướng tới nền văn hoá dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, biểu trưng cho các giá trị dân tộc hiện đại.

Tuy nhiên, gần 40 năm hiện đại hoá nền văn hoá Việt Nam theo mô thức II đã vấp phải những khó khăn không vượt qua được. Tình hình chính trị quốc tế căng thẳng, cuộc chiến tranh thống nhất tổ quốc kéo dài và vô cùng quyết liệt. Nguyên lý phát triển kinh tế tập trung bao cấp đã kìm hãm các ngưỡng phát triển, đó là ba nguyên nhân làm cho quá trình hiện đại hoá văn hoá theo mô thức II ở Việt Nam xuất hiện nhiều phản văn hoá từ trong lòng sâu của nó. Thu nhập kinh tế tính theo đầu người thấp và liên tục bị giảm sút. Dân số phát triển nhanh, công nghệ lạc hậu, năng suất không cao, tham nhũng gia tăng, môi trường bị phá hoại nghiêm trọng, di sản văn hoá không được bảo vệ và dần bị mai một, văn hoá thương nghiệp bị coi thường, hệ thống tiền tệ tiêu chuẩn hoá bấp bênh. Chính quyền được tổ chức theo kiểu hành chính bao cấp, hệ thống giáo dục cổ điển và quá trình đô thị hoá chậm chạp... Trước tình hình ấy, quá trình hiện đại hoá văn hoá Việt Nam đã bước vào thời kỳ đổi mới.

Do trong cơ cấu nền văn hoá hiện đại Việt Nam thiếu hụt một lối sống hiện đại gắn với tiền tệ, cạnh tranh, thị trường chuyên môn hoá, tổ chức hành chính gọn nhẹ... mà Việt Nam đã thay đổi mô thức văn hoá II, chuyển sang mô thức văn hoá III: *tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc mà đặc trưng cơ bản là dân tộc hiện đại-nhân văn*. Mô thức này là kết quả của một quá trình sửa sai tích cực trong các khuyết tật của hiện đại hoá ở Việt Nam. Nó sẽ kết hợp được lòng tự hào dân tộc, gìn giữ bản sắc dân tộc trong quá trình tiếp thu mọi giá trị, mọi cách tổ chức của các nền văn hoá của các dân tộc khác trên thế giới.

Mô thức văn hoá này tạo ra một cơ cấu văn hoá mới khác hẳn với thị trường tư bản cạnh tranh quá quyết liệt và thiếu nhân cách, trong khi nó vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc nhưng vẫn hướng tới cái phổ biến. Mô thức này trước hết tăng cường mạnh mẽ về học vấn để mỗi người tham gia tích cực và có hiệu quả hơn vào đời sống kinh tế hiện đại. Nó tạo ra sự đa dạng văn hoá, tích lũy năng lượng dân chủ, không ngừng giải phóng khả năng sáng tạo của mọi thành viên trong cộng đồng, củng cố tinh thần tự chủ; các cá nhân có trách nhiệm với cộng đồng, cộng đồng tạo mọi điều kiện để cho cá nhân phát triển.

Hiện đại hoá nền văn hoá Việt Nam theo mô thức III trong cơ chế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự quản lý bằng pháp luật của nhà nước là đặt mọi *lợi ích trên nền tảng cái đúng, cái tốt, cái đẹp*. Hiện đại hoá văn hoá Việt Nam gắn liền với các mục tiêu của cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ

quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chiến lược ổn định phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 là *đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi quá trình phát triển.*

Một câu hỏi đặt ra trong quá trình hiện đại hoá văn hoá Việt Nam theo mô thức III là làm thế nào tránh được những “bạo bệnh” mà các xã hội phương Tây, Bắc Mỹ đã mắc phải trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá? Làm thế nào giữ vững độc lập, tự chủ, không phụ thuộc mà vẫn phát triển được? Làm thế nào mà thay đổi được một cách đúng đắn hệ thống các chuẩn mực, các thể chế, các tập quán đã được xác lập có ảnh hưởng tích cực tới các quá trình hiện đại hoá. Thí dụ các tập quán lao động cổ truyền và lao động hiện đại; các phong tục gắn với ma thuật, tâm linh và các niềm tin, thành kiến do hệ tư tưởng cũ để lại.

Hiện đại hoá văn hoá Việt Nam theo mô thức tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, trước hết phải gắn với một cơ cấu giai cấp Công-Nông-Trí, ở đó *lòng nhân ái là nền tảng, chủ nghĩa yêu nước là trục quy tâm, tinh thần cộng đồng là yếu tố trội, sự thích ứng là giải pháp, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn và dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng là mục tiêu.*

Văn hoá Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng mác-xít đang có một sự gia tăng dân trí đáng kể, thiết lập mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân và cộng đồng, dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế, kiến tạo những năng lượng dân chủ mới, ý thức pháp luật mới, huy động đông đảo nhân dân tham gia các quá trình xã hội hoá hoạt động văn hoá lành mạnh thống nhất và đa dạng, điều hoà các quyền lực thế hệ, quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế... làm cho các quá trình hiện đại hoá khắc phục được sự tha hoá thái quá trên con người.